

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐỐT HÀ NỘI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 28



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Ủy Ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 26 tháng 5 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Trọng Hậu	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29/03/2014)
Ông Nguyễn Huy Quang	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 29/03/2014)
Bà An Thị Ngọc Lan	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	Ủy viên
Ông Bùi Hồng Sơn	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Trọng Hậu	Giám đốc
Bà An Thị Ngọc Lan	Phó Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Nguyễn Trọng Hậu**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2015

Số: 120 /2015/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội

Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội được lập ngày 06 tháng 3 năm 2015, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A handwritten signature in blue ink, appearing to be "Wu Thi Hong Quynh".

---

**Trương Văn Nghĩa**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1140 -2013-075-1  
Thay mặt và đại diện

---

**Vũ Thị Hồng Quỳnh**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1969-2013-075-1

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**  
**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.**  
*Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2015*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+150)	<b>100</b>		<b>78.207.840.619</b>	<b>66.014.452.468</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>5.379.790.708</b>	<b>4.048.296.050</b>
1. Tiền	111		5.379.790.708	4.048.296.050
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>65.068.995.461</b>	<b>55.423.626.944</b>
1. Phải thu khách hàng	131		62.943.543.052	54.679.300.624
2. Trả trước cho người bán	132		1.529.890.000	581.750.000
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	595.562.409	162.576.320
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>6.319.998.065</b>	<b>5.902.710.158</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.3	6.319.998.065	5.902.710.158
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.439.056.385</b>	<b>639.819.316</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.399.056.385	314.666.644
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	213.312.672
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	40.000.000	111.840.000
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220 +240+250+260)	<b>200</b>		<b>31.914.785.669</b>	<b>19.774.712.870</b>
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>5.5</b>	<b>22.891.284.627</b>	<b>15.463.693.415</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		4.117.557.041	2.083.974.864
- Nguyên giá	222		10.041.642.904	7.447.412.530
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.924.085.863)	(5.363.437.666)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	8.020.856.007	8.290.824.003
- Nguyên giá	228		9.427.872.591	9.427.872.591
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.407.016.584)	(1.137.048.588)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	10.752.871.579	5.088.894.548
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>5.8</b>	<b>3.366.145.713</b>	<b>3.523.668.933</b>
1. Nguyên giá	241		5.274.649.746	5.274.649.746
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.908.504.033)	(1.750.980.813)
<b>IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.9</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.000.000.000	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.657.355.329</b>	<b>787.350.522</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	3.657.355.329	787.350.522
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>110.122.626.288</b>	<b>85.789.165.338</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI**

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

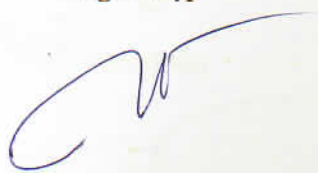
NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>76.344.247.314</b>	<b>53.354.371.327</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>72.121.400.314</b>	<b>52.122.871.328</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	42.000.000.000	28.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		20.162.223.492	9.835.146.452
3. Người mua trả tiền trước	313		278.680.923	89.117.250
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	218.862.290	468.194.109
5. Phải trả người lao động	315		3.496.224.300	2.012.659.375
6. Chi phí phải trả	316	5.13	2.338.187.471	2.996.040.164
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	2.987.949.155	8.522.694.664
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		639.272.683	199.019.314
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.222.847.000</b>	<b>1.231.499.999</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.15	847.300.000	1.031.499.999
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.15	3.375.547.000	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	200.000.000
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>33.778.378.974</b>	<b>32.434.794.011</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>33.778.378.974</b>	<b>32.434.794.011</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		21.000.000.000	21.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.113.136.259	7.846.963.255
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.132.615.858	2.132.615.858
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.532.626.857	1.455.214.898
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>110.122.626.288</b>	<b>85.789.165.338</b>

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Công Lương

Phạm Thị Liên Hương

Nguyễn Trọng Hậu



**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	1.427.765.079.781	1.274.269.777.130
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		1.427.765.079.781	1.274.269.777.130
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	1.394.376.183.048	1.247.785.068.778
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		33.388.896.733	26.484.708.352
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	21.984.408	37.104.539
7. Chi phí tài chính	22	5.20	2.124.559.167	2.173.797.420
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.124.559.167	2.173.797.420
8. Chi phí bán hàng	24		16.838.867.092	12.929.967.228
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.246.560.959	9.008.419.672
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		3.200.893.923	2.409.628.571
11. Thu nhập khác	31		1.756.266.602	89.433.679
12. Chi phí khác	32		315.756.227	53.990.828
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.21	1.440.510.375	35.442.851
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		4.641.404.298	2.445.071.422
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	1.371.603.028	523.899.135
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		3.269.801.270	1.921.172.287
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	1.557	915

Người lập



Nguyễn Công Lương

Kế toán trưởng



Phạm Thị Liên Hương

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2015

Giám đốc

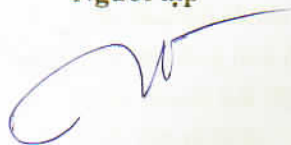


Nguyễn Trọng Hậu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(theo phương pháp trực tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.564.018.022.916	1.384.311.427.591
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1.544.983.152.769)	(1.370.775.908.784)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(11.543.061.545)	(10.227.669.466)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.082.793.948)	(2.120.821.408)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(773.693.140)	(408.694.484)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.993.512.621	2.607.849.304
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(17.446.679.919)	(4.777.379.840)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(10.817.845.784)</b>	<b>(1.391.197.087)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.973.005.966)	(12.000.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.000.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.984.408	37.104.539
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4.951.021.558)</b>	<b>25.104.539</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	401.375.547.000	209.500.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(384.000.000.000)	(211.500.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(275.185.000)	(97.484.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>17.100.362.000</b>	<b>(2.097.484.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>1.331.494.658</b>	<b>(3.463.576.548)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>4.048.296.050</b>	<b>7.511.872.598</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5.379.790.708</b>	<b>4.048.296.050</b>

Người lập



Nguyễn Công Lương

Kế toán trưởng



Phạm Thị Liên Hương

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2015

Giám đốc




Nguyễn Trọng Hậu

# CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐỐT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Ủy Ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 26 tháng 5 năm 2014.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 21.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	419.900	4.199.000.000	19,99%
Các cổ đông khác	1.680.100	16.801.000.000	80,01%
<b>Cộng</b>	<b>2.100.000</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lao động bình quân trong năm 2014: 153 người.

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết:
  - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
  - Bán buôn dầu thô;
  - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan:
    - + Bán buôn xăng dầu đã tinh chế: xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hòa
    - + Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác;
  - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh
- Vận tải hàng hóa đường bộ
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Cho thuê văn phòng.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...)
- Dịch vụ ăn uống khác.
- Dịch vụ phục vụ đồ uống
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày  
Chi tiết:  
Khách sạn;  
Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;  
Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;  
Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính (Tiếp theo)**

- Hoạt động của các cơ sở thể thao
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao
- Hoạt động thể thao khác
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu
- Bán buôn đồ dung khác cho gia đình

Chi tiết:

- Bán buôn hàng gốm sứ, thủy tinh;
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác.
- Bán buôn thực phẩm
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác

Chi tiết:

Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác: săm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác.

Bán lẻ phụ tùng các bộ phận phụ trợ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống): săm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác.

Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;

Hoạt động chính của Công ty trong năm: kinh doanh xăng dầu nhiên liệu.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí gia dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, phải thu khác.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>2014</u>
	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	06
Tài sản khác	05

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

**Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Thời gian khấu hao là 50 năm.

**Tài sản cố định vô hình khác**

Tài sản cố định vô hình khác gồm phần mềm online được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 10 năm và phí thiết kế logo.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư gồm nhà cửa vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 10 đến 50 năm.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phân ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 02 đến 03 năm.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**Ghi nhận doanh thu**

**Đối với doanh thu thương mại**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là Công ty liên kết của Tổng Công ty Vận tải Hà Nội, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh thương mại và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	1.055.756.941	1.471.756.563
Tiền gửi ngân hàng	4.324.033.767	2.576.539.487
<b>Tổng</b>	<b>5.379.790.708</b>	<b>4.048.296.050</b>

**5.2 Phải thu khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty CP TM và Vận tải Petrolimex HN	-	17.743.180
Công ty TNHH LPK	-	39.272.997
Công ty TNHH Thiết bị XD Hà Tây	-	14.795.000
Xí nghiệp Cơ khí và Xây lắp Xăng dầu	578.391.500	-
Phải thu khác	17.170.909	90.765.143
<b>Tổng</b>	<b>595.562.409</b>	<b>162.576.320</b>

**5.3 Hàng tồn kho**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.744.000	3.690.000
Công cụ, dụng cụ	66.520.000	-
Hàng hoá	6.251.734.065	5.899.020.158
<b>Tổng</b>	<b>6.319.998.065</b>	<b>5.902.710.158</b>

**5.4 Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	40.000.000	111.840.000
<b>Tổng</b>	<b>40.000.000</b>	<b>111.840.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09-DN

**5.5 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2014	3.031.451.262	2.514.172.228	1.408.061.818	493.727.222	7.447.412.530
Tăng trong năm	147.060.600	1.412.581.592	1.108.588.182	304.775.592	2.973.005.966
Mua trong năm	147.060.600	1.412.581.592	1.108.588.182	304.775.592	2.973.005.966
Giảm trong năm	-	378.775.592	-	-	378.775.592
Thanh lý, nhượng bán	-	74.000.000	-	-	74.000.000
Phân loại lại	-	304.775.592	-	-	304.775.592
Số dư tại 31/12/2014	3.178.511.862	3.547.978.228	2.516.650.000	798.502.814	10.041.642.904
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2014	2.517.001.078	2.047.820.234	403.669.242	394.947.112	5.363.437.666
Tăng trong năm	102.574.286	273.285.469	174.676.968	84.111.474	634.648.197
Khấu hao trong năm	102.574.286	273.285.469	174.676.968	84.111.474	634.648.197
Giảm trong năm	-	74.000.000	-	-	74.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	74.000.000	-	-	74.000.000
Số dư tại 31/12/2014	2.619.575.364	2.247.105.703	578.346.210	479.058.586	5.924.085.863
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2014	514.450.184	466.351.994	1.004.392.576	98.780.110	2.083.974.864
Tại 31/12/2014	558.936.498	1.300.872.525	1.938.303.790	319.444.228	4.117.557.041

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm 31/12/2014 với giá trị là 4.188.231.080 đồng, tại 31/12/2013 là 3.997.753.808 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định mang đi cầm cố kỳ cược các khoản vay tính đến thời điểm 31/12/2014 với giá trị là 2.044.386.100 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÃNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.6 Tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Chuyển giao công nghệ	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2014	8.975.572.591	401.000.000	51.300.000	9.427.872.591
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	8.975.572.591	401.000.000	51.300.000	9.427.872.591
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 01/01/2014	1.076.898.591	60.149.997	-	1.137.048.588
Tăng trong năm	179.508.000	80.199.996	10.260.000	269.967.996
Khấu hao trong năm	179.508.000	80.199.996	10.260.000	269.967.996
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	1.256.406.591	140.349.993	10.260.000	1.407.016.584
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2014	7.898.674.000	340.850.003	51.300.000	8.290.824.003
Tại 31/12/2014	7.719.166.000	260.650.007	41.040.000	8.020.856.007

**5.7 Xây dựng cơ bản dở dang**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	5.088.894.548	7.627.769.145
Tăng	8.011.246.006	363.987.273
Giảm	2.347.268.975	2.902.861.870
- Kết chuyển tăng tài sản	1.108.588.182	2.139.473.836
- Kết chuyển tăng chi phí	1.238.680.793	763.388.034
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>10.752.871.579</b>	<b>5.088.894.548</b>
<b>Chi tiết theo nội dung</b>	<b>31/12/2014 VND</b>	<b>01/01/2014 VND</b>
Dự án số 1 Đông Tác	280.548.714	280.548.714
Dự án Dã Tượng	4.809.892.229	3.682.858.521
Dự án 233 Khâm Thiên	646.986.042	646.986.042
Dự án 17 Hồng Mai	478.501.271	478.501.271
Cửa hàng Yên Viên	58.144.455	-
Văn phòng công ty tại F3 - 187 Tây Sơn	3.835.848.868	-
Phần mềm Cyber Enterprise 8.0	642.950.000	-
<b>Tổng</b>	<b>10.752.871.579</b>	<b>5.088.894.548</b>

**5.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa và các kiot sử dụng với mục đích cho thuê. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 10-50 năm. Tại thời điểm 31/12/2014, nguyên giá bất động sản đầu tư là 5.274.649.746 đồng và khấu hao lũy kế là 1.908.504.033 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.9 Đầu tư vào công ty con**

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Đầu tư vào Công ty con	200.000	2.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	200.000	2.000.000.000	-	-

Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

STT	Tên công ty con	Địa chỉ đăng ký	Vốn điều lệ (tr đồng)	Tỷ lệ	
				kiểm soát theo ĐKKD	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Tầng F3 - Tòa nhà 187 Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	5.000	89,2%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí (dầu thô, khí đốt..)

**5.10 Chi phí trả trước dài hạn**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	787.350.522	222.056.450
Tăng	3.818.234.334	904.537.087
Phân bổ vào chi phí trong năm	948.229.527	339.243.015
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>3.657.355.329</b>	<b>787.350.522</b>
<b>Chi tiết theo nội dung</b>	<b>31/12/2014 VND</b>	<b>01/01/2014 VND</b>
Chi phí sửa chữa, công cụ chờ phân bổ	2.613.415.935	787.350.522
Phí hợp tác kinh doanh (theo HĐ số 01/HĐ -HTKD) Cửa Hàng Dục Tú	1.043.939.394	-
<b>Tổng</b>	<b>3.657.355.329</b>	<b>787.350.522</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.11 Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	33.000.000.000	25.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	9.000.000.000	3.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>28.000.000.000</b>

**Trong đó:**

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014- HDTDHM/NHCT122- XDCDHN ngày 26/6/2014, hạn mức 40 tỷ đồng, lãi suất vay và thời hạn vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng tiền vay: để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hoàn Kiếm theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/4818668/HDTDHMH ngày 27/06/2014, hạn mức 65 tỷ đồng, lãi suất vay và thời hạn vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng tiền vay: để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại số 7 Dã Tượng.

**5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	50.996.905	423.565.265
Thuế thu nhập doanh nghiệp	138.473.723	-
Thuế thu nhập cá nhân	29.391.662	9.643.755
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	34.985.089
<b>Tổng</b>	<b>218.862.290</b>	<b>468.194.109</b>

**5.13 Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	41.765.219	46.535.467
Tiền thuê đất	2.129.802.252	2.176.973.749
Phụ cấp HĐQT và Ban kiểm soát	-	96.000.000
Chi phí phải trả khác	166.620.000	676.530.948
<b>Tổng</b>	<b>2.338.187.471</b>	<b>2.996.040.164</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐỐT HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.14 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	12.482.795	11.917.130
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.975.466.360	8.510.777.534
<i>Cổ tức phải trả</i>	2.795.225.000	2.785.040.000
<i>Ngân hàng TMCP ĐTPT Việt Nam (BIDV)</i>		
- CN Hoàn Kiếm	-	4.997.433.225
<i>Xí nghiệp Xe buýt Thủ đô (Lãi liên kết)</i>	-	309.949.893
<i>Đền bù GPMB tại số 189 Tây Sơn</i>	-	306.134.985
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	180.241.360	112.219.431
<b>Tổng</b>	<b>2.987.949.155</b>	<b>8.522.694.664</b>

**5.15 Vay và nợ dài hạn /Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>3.375.547.000</b>	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	3.375.547.000	-
<b>Phải trả dài hạn khác</b>	<b>847.300.000</b>	<b>1.031.499.999</b>
Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	847.300.000	1.031.499.999
<b>Tổng</b>	<b>4.222.847.000</b>	<b>1.031.499.999</b>

Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 01/2014 ngày 24/10/2014 có điều khoản cụ thể như sau:

Số tiền cam kết cho vay có tổng giá trị không vượt quá 6.700.000.000 đồng

Mục đích vay : Dùng để thanh toán chi phí đầu tư diện tích sàn xây dựng Nhà F3 toà 187 Nguyễn Lương Bằng

Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Lãi suất cho vay: tại thời điểm ký hợp đồng là 9,3%/năm và có giá trị tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng, sau đó lãi suất được điều chỉnh 1 tháng 1 lần theo thông báo ngân hàng.

Tài sản thế chấp là quyền sở hữu sản văn phòng tại tầng 3 Tòa nhà 187 Nguyễn Lương Bằng, theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014 tháng 10/14 giữa NH TMCP Công thương VN và Công ty Xăng dầu Chất đốt. Giá trị tài sản thế chấp được thống nhất 8.400.000.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.16 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Mẫu B 09-DN

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2013</b>	21.000.000.000	7.846.963.255	2.132.615.858	218.248.665	31.197.827.778
Tăng trong năm	-	-	-	1.921.172.287	1.921.172.287
Lãi	-	-	-	1.921.172.287	1.921.172.287
Giảm trong năm	-	-	-	684.206.054	684.206.054
Trích lập các quỹ KTPL	-	-	-	135.249.464	135.249.464
Lãi liên doanh liên kết	-	-	-	548.956.590	548.956.590
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>7.846.963.255</b>	<b>2.132.615.858</b>	<b>1.455.214.898</b>	<b>32.434.794.011</b>
<b>Số dư tại 01/01/2014</b>	21.000.000.000	7.846.963.255	2.132.615.858	1.455.214.898	32.434.794.011
Tăng trong năm	-	266.173.004	-	3.269.801.270	3.535.974.274
Tăng quỹ	-	266.173.004	-	-	266.173.004
Lãi	-	-	-	3.269.801.270	3.269.801.270
Giảm trong năm	-	-	-	2.192.389.311	2.192.389.311
Chia cổ tức	-	-	-	1.050.000.000	1.050.000.000
Lãi liên doanh liên kết	-	-	-	608.071.228	608.071.228
Trích lập các quỹ	-	-	-	534.318.083	534.318.083
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>8.113.136.259</b>	<b>2.132.615.858</b>	<b>2.532.626.857</b>	<b>33.778.378.974</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	4.199.000.000	10.772.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	16.801.000.000	10.228.000.000
<b>Tổng</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>21.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	21.000.000.000	21.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	21.000.000.000	21.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>1.050.000.000</b>	-

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2014 Cổ phiếu	01/01/2014 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>2.100.000</b>	<b>2.100.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>2.100.000</b>	<b>2.100.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	2.100.000	2.100.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán thành phẩm hàng hóa	1.423.871.170.684	1.270.837.831.677
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.893.909.097	3.431.945.453
<b>Tổng</b>	<b>1.427.765.079.781</b>	<b>1.274.269.777.130</b>

**5.18 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn bán hàng hóa	1.392.060.019.706	1.245.547.073.066
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.316.163.342	2.237.995.712
<b>Tổng</b>	<b>1.394.376.183.048</b>	<b>1.247.785.068.778</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÃNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.19 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.984.408	37.104.539
<b>Tổng</b>	<b>21.984.408</b>	<b>37.104.539</b>

**5.20 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	2.124.559.167	2.173.797.420
<b>Tổng</b>	<b>2.124.559.167</b>	<b>2.173.797.420</b>

**5.21 Lợi nhuận khác**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu thanh lý tài sản cố định	-	14.322.273
Hoàn nhập chi phí đền bù GPMB tại Số 189 Tây Sơn	306.134.985	-
Tiền thuê đất năm 2013 & 2014 QĐ 62707/QĐ- CT-QLĐ ngày 12/12/2014	302.980.188	-
Công ty CP Đầu tư PT Nhà số 5 đền bù Giải phóng mặt bằng 189 Nguyễn Lương Bằng	1.135.925.682	-
Thu nhập khác	11.225.747	75.111.406
<b>Tổng</b>	<b>1.756.266.602</b>	<b>89.433.679</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	32.128.767	12.500
Các khoản tiền phạt		7.473.539
Chi phí phạt chậm nộp thuế, truy thu thuế theo Quyết định số 55406/QĐ-CT-TTr3 ngày 28/10/2014	283.600.509	-
Chi phí khác	26.951	46.504.789
<b>Tổng</b>	<b>315.756.227</b>	<b>53.990.828</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>1.440.510.375</b>	<b>35.442.851</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.22 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế</b>	<b>4.641.404.298</b>	<b>2.445.071.422</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	1.403.499.669	548.956.895
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	408.466.061	199.482.012
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>3.646.370.690</b>	<b>2.095.596.539</b>
Thuế suất	22%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>802.201.552</b>	<b>523.899.135</b>
Thuế TNDN truy thu theo biên bản thanh tra thuế từ năm 2009 - 2013	569.401.476	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.371.603.028</b>	<b>523.899.135</b>

**5.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>3.269.801.270</b>	<b>1.921.172.287</b>
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>3.269.801.270</b>	<b>1.921.172.287</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.100.000	2.100.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.557</b>	<b>915</b>

**5.24 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.748.420.421	156.266.215
Chi phí nhân công	17.473.802.747	14.067.925.423
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.062.139.413	807.457.685
Chi phí về thuế phí lệ phí	208.304.790	794.989.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.564.147.758	2.126.245.226
Chi phí khác bằng tiền	3.199.880.507	4.352.153.008
<b>Tổng</b>	<b>28.256.695.636</b>	<b>22.305.037.446</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****a. Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Công nợ phải thu</b>			
Xí nghiệp Xe buýt 10/10	Tiền hàng	4.456.883.190	6.241.875.614
Xí nghiệp xe buýt Liên Ninh- CN TCT Vận tải HN	Tiền hàng	6.445.335.160	9.316.985.050
Xí nghiệp xe điện Hà Nội	Tiền hàng	4.091.398.360	2.970.720.390
Xí nghiệp Xe buýt Thăng long	Tiền hàng	4.887.017.711	5.357.437.740
Trung tâm Tân Đạt	Tiền hàng	6.272.237.372	6.002.125.152
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	Tiền hàng	6.353.378.030	5.526.072.840
XN Vận tải du lịch Hà Nội - CN TCT Vận tải HN	Tiền hàng	5.410.629.620	3.783.385.150
Công ty Cổ phần xe khách Hà Nội	Tiền hàng	6.172.796.460	4.929.516.080
<b>Tổng</b>		<b>44.089.675.903</b>	<b>44.128.118.016</b>

**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Giao dịch bán hàng	Tính chất giao dịch	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Xí Nghiệp xe buýt 10/10	Doanh thu bán hàng	40.668.402.743	41.972.475.559
Xí nghiệp xe buýt Liên Ninh	Doanh thu bán hàng	42.241.100.431	42.845.799.673
Xí nghiệp xe điện Hà Nội	Doanh thu bán hàng	33.663.269.998	32.519.704.629
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	Doanh thu bán hàng	60.745.164.863	58.258.115.948
Trung tâm Tân Đạt - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Doanh thu bán hàng	42.515.587.110	43.218.793.726
Xí Nghiệp xe buýt HN	Doanh thu bán hàng	89.088.663.970	88.219.774.528
XN Vận tải du lịch Hà Nội	Doanh thu bán hàng	19.016.726.187	12.117.220.329
Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội	Doanh thu bán hàng	9.978.413.868	10.209.032.954
<b>Tổng</b>		<b>337.917.329.170</b>	<b>329.360.917.346</b>

**c. Giao dịch với các nhân sự chủ chốt**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	Thù lao	135.000.000	156.000.000
Ban Giám đốc	Thu nhập BGD	542.167.921	555.314.760

**6.2 Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.11 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 5.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.379.790.708	4.048.296.050
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.539.105.461	54.841.876.944
<b>Tổng</b>	<b>68.918.896.169</b>	<b>58.890.172.994</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	45.375.547.000	28.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	23.997.472.647	19.389.341.115
Chi phí phải trả	2.338.187.471	2.996.040.164
<b>Tổng</b>	<b>71.711.207.118</b>	<b>50.385.381.279</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ ít, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.



**6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Rủi ro về giá**

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Công ty không phát sinh các khoản đầu tư vào công cụ vốn do vậy không chịu rủi ro về giá cổ phiếu.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua hàng hóa chủ yếu từ một số nhà cung cấp để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng lâu năm, luân chuyển liên tục và thường xuyên đối chiếu công nợ.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

5053  
GT  
DA  
TC  
N  
V-T

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	42.000.000.000	3.375.547.000	45.375.547.000
Phải trả người bán và phải trả khác	23.150.172.647	847.300.000	23.997.472.647
Chi phí phải trả	2.338.187.471	-	2.338.187.471
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	28.000.000.000	-	28.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	18.357.841.116	1.031.499.999	19.389.341.115
Chi phí phải trả	2.996.040.164	-	2.996.040.164

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.379.790.708	-	5.379.790.708
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.539.105.461	-	63.539.105.461
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.048.296.050	-	4.048.296.050
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.841.876.944	-	54.841.876.944

**6.3 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2015  
Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Nguyễn Công Lương

Phạm Thị Liên Hương

Nguyễn Trọng Hậu